TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2020
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuần.

2. Ông Dương Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử C khai vụ án thụ lý số 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 18/5, tổ 3, ấp 1, xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 18/5, tổ 3, ấp 1, xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2019; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ; biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện kết hôn vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau,

trong cách nuôi dạy con cái. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Chị và anh C đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 04 con chung tên là Nguyễn Thị MAI N1, sinh ngày 27/7/1996; Nguyễn Thị MAI N2, sinh ngày 22/4/2001; Nguyễn Thị MAI T, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị MAI V, sinh ngày 08/12/2012. Do cháu N1 và cháu N2 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trinh, cháu Vy và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/12/2019; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Thành C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời khai của nguyên đơn về quá trình kết hôn. Trước đây cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị M có nhiều mâu thuẫn, anh thừa nhận có hay chửi bới chị M, nhưng anh đã thay đổi. Gần đây, chị M luôn kiếm chuyện, làm cho hai vợ chồng thường phải cãi nhau. Từ tháng 8/2019, chị M tự ý bỏ nhà đi nên từ đó đến nay anh không còn chung sống với chị M. Chị M có yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do anh là người theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn, mặt khác anh không làm gì sai nên việc chị M có yêu cầu ly hôn với anh là không có căn cứ. Mặc dù anh không muốn ly hôn nhưng hiện giờ anh cũng không cần chị M phải về chung sống với anh.

- Về con chung: Chị và anh M có 04 con chung tên là Nguyễn Thị MAI N1, sinh ngày 27/7/1996; Nguyễn Thị MAI N2, sinh ngày 22/4/2001; Nguyễn Thị MAI T, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị MAI V, sinh ngày 08/12/2012. Do cháu N1 và cháu N2 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý giao cháu T, cháu V cho chị M nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương

sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị MAI T, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị MAI V, sinh ngày 08/12/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh C nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Thành C hiện cư trú tại ấp 3, xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị M yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh C, chị M có yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn; anh Nguyễn Thành C là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh C và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Chị M yêu cầu được ly hôn với anh C, anh C không đồng ý ly hôn với chị M nhưng căn cứ vào lời khai của các đương sự và các biên bản xác minh ngày 26/12/2019 (BL 25) tại địa phương đã thể hiện cuộc sống vợ chồng anh C và chị M phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Chị M và anh C đều thừa nhận hiện nay chị M và anh C không còn chung sống với nhau, anh C cũng không cần chị M phải về chung sống với anh C. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị M, anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[6] Về con chung: Chị M và anh C có bốn con chung tên là Nguyễn Thị MAI N1, sinh ngày 27/7/1996; Nguyễn Thị MAI N2, sinh ngày 22/4/2001; Nguyễn Thị MAI T, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị MAI V, sinh ngày 08/12/2012.

Do cháu N1 và cháu N2 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và cháu V khi ly hôn; anh C đồng ý giao cháu T và cháu V cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy việc giao cháu T và cháu V cho chị M nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu V. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh C.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị MAI T, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị MAI V, sinh ngày 08/12/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị M không yêu cầu, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Thành C.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con…)

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị M đã nộp (biên lai số 0002628 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được cấn trừ qua án phí. Chị M đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết C khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái